

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

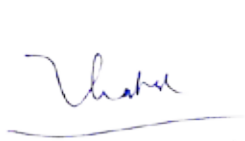
Lớp **7**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRẦN THỊ NGỌC CHÂU – TRẦN THỊ KIM NHUNG (đồng Tổng Chủ biên)
LƯU THANH TÚ – NGUYỄN THỊ HIỂN (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HỮU BÁCH – VŨ ĐÌNH BẢY – NGUYỄN VĂN BÌNH – NGUYỄN HỮU HÀO
TRẦN MINH HƯỜNG – NGUYỄN ĐÌNH KHOÁ – TRẦN THỊ PHƯƠNG LÝ

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH
BÀ RỊA – VŨNG TÀU
LỚP 7


Lưu Thanh Tú


Trần Thị Ngọc Châu

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Các kí hiệu dùng trong tài liệu 4

Chủ đề 1

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐÔ THỊ HOÁ CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 5

Chủ đề 2

LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI..... 14

Chủ đề 3

CA DAO TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 22

Chủ đề 4

MỘT SỐ CA KHÚC VIẾT VỀ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 29

Chủ đề 5

HOẠ TIẾT TRÊN CÁC SẢN PHẨM THỦ CÔNG

MĨ NGHỆ Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 38

Chủ đề 6

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 50

Bảng thuật ngữ 59

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tiếp nối *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 6*, Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức biên soạn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 7* nhằm giúp các em tiếp tục tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá những vẻ đẹp; những vấn đề về kinh tế, văn hoá;... của địa phương Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nội dung tài liệu bao gồm 6 chủ đề, gắn với các đặc trưng về địa lí, lịch sử, văn học nghệ thuật,... của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đảm bảo tính kế thừa các nội dung của *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 6*. Các chủ đề vẫn được thiết kế theo các hoạt động **Khởi động**, **Khám phá**, **Luyện tập** và **Vận dụng** nhằm tạo điều kiện giúp các em phát huy được tính tích cực trong quá trình học tập, đồng thời hỗ trợ các em phát triển năng lực tự học của bản thân.

Chúng tôi hi vọng rằng, *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 7* sẽ đồng hành cùng các em học sinh trên con đường chinh phục tri thức, rèn luyện các kĩ năng, bồi dưỡng tình yêu quê hương và tiếp tục mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị và bổ ích.

BAN BIÊN SOẠN



CÁC KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU

 MỤC TIÊU	Những kiến thức, phẩm chất, năng lực và thái độ mà các em cần đạt được sau mỗi chủ đề hoặc bài học.
 GIỚI THIỆU BÀI HỌC	Tạo hứng thú, xác định nhiệm vụ học tập.
 KHỞI ĐỘNG	Tạo được tình huống mâu thuẫn trong tư duy và sự hứng thú trong tìm hiểu kiến thức mới.
 KHÁM PHÁ	Giúp các em tự chiếm lĩnh những kiến thức thông qua các chuỗi hoạt động dạy học và giáo dục.
 LUYỆN TẬP	Giúp các em tập làm và hiểu rõ hơn những điều vừa khám phá được.
 VẬN DỤNG	Giúp các em vận dụng những nội dung đã học vào thực tiễn.

CHỦ ĐỀ 1

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐÔ THỊ HOÁ CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

BÀI 1: CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



MỤC TIÊU

- Biết được một số thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ khi thành lập tỉnh đến nay.
- Kể tên được các đơn vị hành chính của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay.
- Xác định được trên bản đồ các đơn vị hành chính của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



KHỞI ĐỘNG

Cho học sinh xem một số hình ảnh về các địa điểm nổi tiếng của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Học sinh gọi tên và cho biết các địa điểm đó thuộc huyện, thị xã hay thành phố nào của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



KHÁM PHÁ

I. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Dựa vào thông tin trong bài và hình 1.1, em hãy trình bày sự thay đổi địa giới hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ khi thành lập đến nay.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập vào ngày 12 – 8 – 1991, trên cơ sở sáp nhập đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo với một phần của tỉnh Đồng Nai (gồm 3 huyện: Châu Thành, Long Đất và Xuyên Mộc). Khi đó, các đơn vị hành chính của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gồm thị xã Vũng Tàu và 4 huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Côn Đảo với dân số khoảng 0,588 triệu người.

Kể từ khi thành lập tỉnh đến nay, trong quá trình phát triển, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thực hiện chia tách một số địa phương:

- Năm 1994: Chia huyện Châu Thành ra thành ba đơn vị hành chính: thị xã Bà Rịa, huyện Tân Thành và huyện Châu Đức.

- Năm 2003: Chia huyện Long Đất thành hai đơn vị hành chính: huyện Đất Đỏ và huyện Long Điền.
 - Năm 2012: Thành lập thành phố Bà Rịa (trên cơ sở thị xã Bà Rịa).
 - Năm 2018: Thành lập thị xã Phú Mỹ (trên cơ sở huyện Tân Thành).
- Năm 2021, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có 8 đơn vị hành chính cấp huyện với diện tích 1 982,56 km² và số dân 1 176 078 người.



Hình 1.1. Bản đồ hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

II. CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy kể tên các đơn vị hành chính của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay gồm có các đơn vị hành chính sau:

- 2 thành phố: Bà Rịa và Vũng Tàu;
- 1 thị xã: Phú Mỹ;
- 5 huyện: Châu Đức, Đất Đỏ, Long Điền, Xuyên Mộc và Côn Đảo.

**Bảng 1.1. Diện tích, số dân và mật độ dân số của các đơn vị hành chính
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021**

Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Số dân (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
Thành phố Bà Rịa	91,04	114 116	1 254
Thành phố Vũng Tàu	150,90	364 090	2 413
Thị xã Phú Mỹ	333,02	183 455	551
Huyện Châu Đức	424,60	148 589	350
Huyện Đất Đỏ	189,74	75 148	396
Huyện Long Điền	77,67	138 397	1 782
Huyện Xuyên Mộc	639,80	142 485	223
Huyện Côn Đảo	75,79	9 808	129
Toàn tỉnh	1 982,56	1 176 078	593

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Em có biết?

Côn Đảo là một trong số 12 huyện đảo của cả nước và là huyện đảo duy nhất của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay, Côn Đảo chỉ có một đơn vị hành chính cấp huyện, không có cấp xã.



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ thể hiện sự thay đổi địa giới hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ năm 1991 đến nay.
2. Dựa vào hình 1.1, xác định các địa phương tiếp giáp với thành phố Bà Rịa.
3. Dựa vào bảng 1.1, vẽ biểu đồ cột thể hiện mật độ dân số của các đơn vị hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021. Rút ra nhận xét.



VẬN DỤNG

Hãy cho biết các loại hình giao thông hiện có để kết nối huyện Côn Đảo với các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh.

BÀI 2: ĐÔ THỊ HOÁ Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**MỤC TIÊU**

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Kể tên được một số đô thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Nêu được tác động của đô thị hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**KHỞI ĐỘNG**

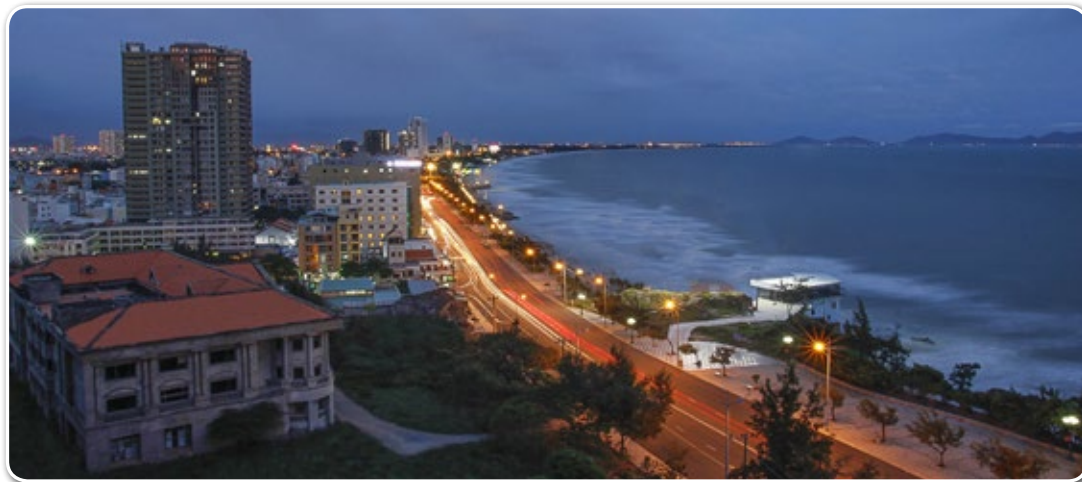
Học sinh kể tên một số đô thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cho biết các đô thị đó trực thuộc các địa phương nào.

**KHÁM PHÁ****1. Đặc điểm**

Em hãy trình bày những đặc điểm nổi bật của đô thị hoá ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

a. Quá trình đô thị hoá

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quá trình đô thị hoá diễn ra khá nhanh. Thời điểm thành lập tỉnh (năm 1991), toàn tỉnh chỉ có 3 đô thị là thị xã Vũng Tàu, thị trấn Bà Rịa và thị trấn Long Điền. Đến năm 2021, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã hình thành 9 đô thị, gồm 2 thành phố (Bà Rịa, Vũng Tàu), 1 thị xã (Phú Mỹ) và 6 thị trấn (Đất Đỏ, Phước Hải, Long Điền, Long Hải, Ngãi Giao, Phước Bửu).



Hình 1.2. Bãi Sau, thành phố Vũng Tàu
(Nguồn: Nguyễn Thị Hoàng Yến)

Em có biết?

Ngày 22 – 8 – 2012, thị xã Bà Rịa được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Nghị quyết số 43/NQ-CP của Chính phủ. Thành phố Bà Rịa có diện tích tự nhiên rộng 91,04 km², gồm 8 phường (Phước Hưng, Phước Trung, Phước Hiệp, Phước Nguyên, Long Hương, Long Toàn, Kim Dinh, Long Tâm) và 3 xã (Hoà Long, Long Phước, Tân Hưng). Hiện nay thành phố Bà Rịa thuộc đô thị loại II, là tỉnh lỵ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



Hình 1.3. Thành phố Bà Rịa nhìn từ trên cao
(Nguồn: Nguyễn Thái An)



Hình 1.4. Một góc thành phố Vũng Tàu
(Nguồn: Tạp chí điện tử Kinh tế chứng khoán Việt Nam)

2. Mức độ đô thị hoá

So với các địa phương trong cả nước, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có mức độ đô thị hoá khá cao, cơ sở hạ tầng các đô thị khá hoàn thiện. Trong thời gian qua, hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh đã được đầu tư nâng cấp và có sự cải thiện rõ rệt về chất lượng ở tất cả các mặt: giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, cây xanh,...

Hệ thống giao thông được mở rộng khắp nơi, theo hướng hiện đại. Nhiều tuyến đường ở các đô thị được ngầm hoá mạng lưới điện, cáp viễn thông; hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị cũng được quan tâm đầu tư xây dựng nhằm tạo cảnh quan đô thị sạch đẹp, văn minh.



Hình 1.5. Thành phố Vũng Tàu nhìn từ trên cao
(Nguồn: Diễn đàn kinh tế Đông Nam Bộ)

Thời gian tới, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ tập trung phát triển, nâng cấp hệ thống các đô thị hiện có, đồng thời thu hút đầu tư xây dựng các đô thị mới theo hướng phát triển đô thị thông minh, chất lượng cao, có môi trường sống và làm việc tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Em có biết?

Vũng Tàu là thành phố lớn nhất và có số dân đông nhất tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2021, thành phố có 364 090 người, chiếm 31% số dân toàn tỉnh. Hiện nay, thành phố Vũng Tàu có 17 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 16 phường (Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Phường 7, Phường 8, Phường 9, Phường 10, Phường 11, Phường 12, Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam, Nguyễn An Ninh, Rạch Dừa) và xã đảo Long Sơn.

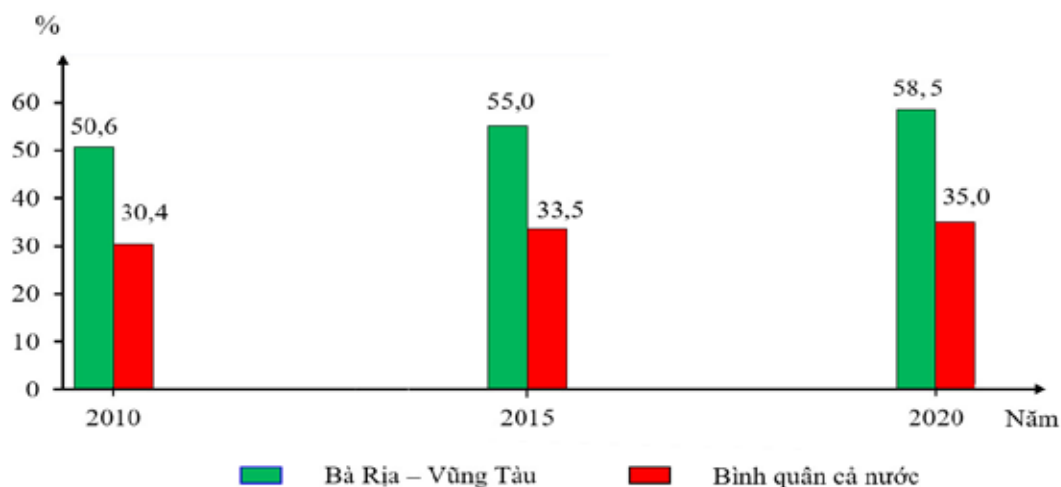
3. Tỷ lệ dân thành thị

Dựa vào bảng 1.2, hình 1.6, em hãy nhận xét về tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bảng 1.2. Tỷ lệ dân thành thị và nông thôn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2010 – 2021 (%)

Năm	2010	2013	2015	2021
Thành thị	50,6	53,2	55,0	58,5
Nông thôn	49,4	46,8	45,0	41,5

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)



Hình 1.6. Tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu so với bình quân cả nước
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có tỷ lệ dân thành thị vào loại cao so với bình quân cả nước. Hiện nay, hơn một nửa dân số của tỉnh tập trung ở khu vực thành thị. Trong thời gian tới, tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục tăng, phù hợp với quá trình đô thị hoá.

II. Mạng lưới đô thị

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết hiện nay tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có những loại đô thị nào.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện có 5 trong tổng số 6 loại đô thị của cả nước (tỉnh không có đô thị loại đặc biệt). Dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: số dân, mật độ dân số, chức năng,... các đô thị của tỉnh được phân thành 5 loại: I, II, III, IV, V. Cụ thể:

- Đô thị loại I: thành phố Vũng Tàu.
- Đô thị loại II: thành phố Bà Rịa.
- Đô thị loại III: thị xã Phú Mỹ.
- Đô thị loại IV: thị trấn Ngãi Giao (huyện Châu Đức).
- Đô thị loại V: thị trấn Đất Đỏ, thị trấn Phước Hải (huyện Đất Đỏ), thị trấn Long Điền, thị trấn Long Hải (huyện Long Điền), thị trấn Phước Bửu (huyện Xuyên Mộc).

Ba đô thị lớn nhất tỉnh là thành phố Vũng Tàu và thành phố Bà Rịa và thị xã Phú Mỹ. Theo phân cấp hành chính, các đô thị này thuộc đơn vị hành chính cấp huyện, trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Em có biết?

Theo quy hoạch, mạng lưới đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025 sẽ phát triển gồm 14 đô thị, trong đó: 1 đô thị loại I (thành phố Vũng Tàu), 1 đô thị loại II (thành phố Bà Rịa), 3 đô thị loại III (Phú Mỹ, Long Hải – Long Điền và Côn Đảo), 2 đô thị loại IV (Phước Bửu và Ngãi Giao) và 7 đô thị loại V (hiện hữu gồm thị trấn Đất Đỏ, Phước Hải; các thị trấn dự kiến thành lập mới gồm Lộc An, Hồ Tràm, Bình Châu, Hoà Bình và Kim Long).



Hình 1.7. Một góc trung tâm hành chính – chính trị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Nguồn: Đỗ Tuấn Hùng)

III. Tác động của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày tác động của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Tác động tích cực

Trong những năm qua, quá trình đô thị hoá của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu diễn ra khá nhanh, là một trong những động lực góp phần phát triển kinh tế – xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đây cũng là yếu tố quan trọng để tỉnh phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững trong tương lai.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hoá góp phần giúp địa phương thu hút nguồn lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Đô thị hoá cũng tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.



Hình 1.8. Con đường rực rỡ hoa mai ở thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức
(Nguồn: VTV.vn)

2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những mặt tích cực, đô thị hoá ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đang phải giải quyết nhiều vấn đề như bảo vệ môi trường, an ninh trật tự xã hội, áp lực giao thông,... Để hạn chế mặt tiêu cực, tỉnh cần có quy hoạch đô thị đồng bộ, theo hướng hiện đại hoá với tầm nhìn lâu dài. Đô thị hóa phải gắn liền với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng,... nhằm phát triển đô thị theo hướng bền vững.



LUYỆN TẬP

Hoàn thành thông tin về các đô thị của tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo bảng sau:

STT	Tên đô thị	Phân cấp đô thị	Phân loại đô thị
1	Thành phố Bà Rịa	Đô thị trực thuộc tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu	Đô thị loại II
2	?	?	?
3	?	?	?
4	?	?	?
5	?	?	?
6	?	?	?
7	?	?	?
8	?	?	?



VẬN DỤNG

Viết đoạn văn giới thiệu về một đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CHỦ ĐỀ 1

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐÔ THỊ HOÁ CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

BÀI 3. LẬP KẾ HOẠCH THAM QUAN ĐỊA DANH CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



MỤC TIÊU

- Biết lập kế hoạch tham quan một địa danh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Viết bài thu hoạch tham quan và trình bày trước lớp những vấn đề thu hoạch được.



KHỞI ĐỘNG

Học sinh kể tên một số đô thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cho biết các đô thị đó trực thuộc các địa phương nào.



KHÁM PHÁ

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THAM QUAN

Học sinh xây dựng kế hoạch tham quan dựa trên các nội dung cơ bản sau:

1. Mục đích tham quan
2. Nội dung
3. Dự kiến địa điểm tham quan
4. Thời gian thực hiện
5. Phương tiện di chuyển
6. Đồ dùng, thiết bị mang theo
7. Thiết kế phiếu ghi chép thực địa
8. Kinh phí tổ chức
9. Phân công nhiệm vụ

II. VIẾT BÀI THU HOẠCH VÀ THUYẾT TRÌNH TRƯỚC LỚP NỘI DUNG BÀI THU HOẠCH

1. Nội dung

a. Giới thiệu sơ nét về địa điểm tham quan

– Địa điểm tham quan: nơi tham quan thuộc huyện, thị xã hay thành phố nào của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu?

– Địa danh tham quan thuộc loại hình nào: danh lam, thắng cảnh hay di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng?

– Nét nổi bật, ấn tượng nhất của địa điểm tham quan là gì?

b. Giá trị của địa điểm tham quan

– Về mặt giáo dục

– Về mặt tinh thần, tín ngưỡng

– Về mặt kinh tế

– Về mặt bảo vệ môi trường sinh thái...

c. Bài học rút ra

– Nhận thức

– Trách nhiệm của bản thân

2. Trình bày báo cáo

– Bài báo cáo được viết tay hoặc đánh máy với dung lượng không quá 2 trang giấy A4.

– Trình bày: ngắn gọn, có hình ảnh minh hoạ; có thể kết hợp với trình chiếu powerpoint.

3. Đánh giá

a. Tiêu chí đánh giá

Nội dung	Tiêu chí	Đánh giá	
		Đạt	Chưa đạt
Giới thiệu	Vị trí địa danh (ở huyện, thị xã, thành phố nào?)	?	?
	Loại hình (di tích, danh lam, thắng cảnh,...)	?	?
Giá trị	Về mặt kinh tế	?	?
	Về mặt xã hội	?	?
Bài học rút ra cho bản thân	Nhận thức	?	?
	Trách nhiệm bản thân	?	?
Đề xuất, kiến nghị	Các giải pháp để bảo tồn, phát huy giá trị,...	?	?
Trình bày	Thiết kế đẹp, khoa học	?	?
	Có ứng dụng công nghệ thông tin	?	?
	Trình bày lưu loát	?	?
Kết luận		?	?

b. Tổ chức đánh giá

Dựa trên kết quả báo cáo, giáo viên tiến hành đánh giá hoặc cho học sinh đánh giá lẫn nhau trên cơ sở các tiêu chí đã được xác lập.

CHỦ ĐỀ 2

LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI



MỤC TIÊU

- Trình bày được quá trình phát triển của vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI
- Trình bày được các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng dân cư ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.



GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, cộng đồng dân cư ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu kinh tế, văn hoá của các tầng lớp dân cư đời trước. Lịch sử vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời kì này có những đặc trưng gì về dân cư, kinh tế, văn hoá, xã hội? Để tìm hiểu các nội dung này, các em cùng nhau nghiên cứu chủ đề Lịch sử tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.



KHỞI ĐỘNG

Hãy nêu những hiểu biết của em về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội,... ở địa phương em đang sinh sống.



KHÁM PHÁ

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG ĐẤT BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI

1. Quá trình phát triển

Đọc thông tin trong mục 1, em hãy trình bày quá trình phát triển của vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, từ thời cổ đại, ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu đã có con người sinh sống với các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội đặc trưng của dân cư tại chỗ.

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, cộng đồng dân cư ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục khai phá vùng đất này để sinh sống. Tuy nhiên, do nguồn nhân lực ít, công cụ sản xuất thô sơ, kĩ thuật canh tác lạc hậu nên kết quả khai hoang còn hạn chế. Vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn còn hoang vu, rừng rậm che phủ, ngập mặn, sinh lầy, chưa được khai phá nhiều.

Chu Đạt Quan (tác giả sách *Chân Lạp phong thổ ký*) đã mô tả cảnh quan vùng đất này vào cuối thế kỉ XIII như sau: “Từ chỗ vào Chân Bô (nay là biển Vũng Tàu) trở đi, hầu hết là rừng thấp cây rậm, sông dài vắng rộng, kéo dài mấy trăm dặm, cỏ thụ rậm rạp, mây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn nhau ở trong đó. Đến nửa vắng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt không có một tắc cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa⁽¹⁾ vờn vờn mà thôi. Trâu rừng họp nhau thành từng đàn trăm nghìn con,...”⁽²⁾.

2. Cộng đồng dân cư

Đọc thông tin trong mục 2, em hãy kể tên các dân tộc (tộc người) sinh sống lâu đời ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu. Nêu địa bàn cư trú, tập quán canh tác và cư trú của họ.

Các dân tộc cư trú lâu đời ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu là Chơ Ro, Mạ, Xtiêng,... Họ sinh sống rải rác ở vùng đồi núi thấp, cạnh sông suối. Bên cạnh đó, có một bộ phận người Khmer cư trú trong các phum, sóc nhỏ trên những giồng đất cao.

Cộng đồng dân cư có tập quán du canh, du cư, theo chu kì, họ thay đổi địa bàn canh tác và cư trú.

II. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp

Đọc thông tin trong mục 1, em hãy trình bày các phương thức sản xuất nông nghiệp của cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu là sản xuất nông nghiệp.

Ở vùng đồi núi thấp (vùng gò đồi), cư dân canh tác nông nghiệp theo phương thức truyền thống là đốt rừng làm nương rẫy để gieo trồng lúa nương (lúa rẫy) theo lối “phát, đốt, chọc, trả” (chặt phá cây rừng, đốt nương rẫy, chọc lỗ, tra hạt giống). Năng suất lúa còn thấp vì kĩ thuật canh tác lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và thường xuyên bị sâu bọ, chim muông, thú rừng phá hoại.

⁽¹⁾ Đây là cây lúa mọc hoang trong tự nhiên theo mùa nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, người dân Nam Bộ thường gọi là lúa trời hay lúa ma.

⁽²⁾ Chu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2006, trang 45, 46. Từ năm 1296 – 1297, Chu Đạt Quan, một sứ thần của triều đình nhà Nguyên (Trung Quốc) khi đi qua vùng đất Nam Bộ để đến Chân Lạp đã mô tả cảnh quan vùng đất này như đoạn trích ở trên.

Chăn nuôi chưa được chú trọng vì vật nuôi chủ yếu dùng làm vật tế trong các lễ hiến sinh, cúng thần, lễ cưới; trâu, bò ít được sử dụng để cày kéo.

Các hoạt động kinh tế khác như săn bắn, hái lượm, đánh bắt thủy, hải sản, khai thác lâm, thổ sản khác vẫn phổ biến và đem lại nguồn lợi kinh tế quan trọng, thiết thực cho cộng đồng; một phần nguồn thức ăn thường ngày còn lệ thuộc vào tự nhiên “ăn rừng, uống nước trời”.

Công cụ sản xuất gồm dao côi, chà gạch (xà gạch), chiếc rìu, cây chọc lỗ (để tra hạt); vũ khí dùng để tự vệ, săn bắn là cung tên, nỏ, bẫy thú; vật dụng có chày, cối giã,...

2. Thủ công nghiệp, thương nghiệp

Đọc thông tin trong mục 2, em hãy kể tên một số nghề thủ công và nêu hình thức trao đổi sản phẩm của cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.

a. Thủ công nghiệp

Các nghề thủ công như dệt thổ cẩm, đan lát, làm đồ trang sức, nghề rèn, đồ gốm tiếp tục phát triển.

Các loại thổ cẩm, chăn, váy, khố được dệt từ cây bông, nhuộm màu từ nhựa cây rừng.

Đan lát là nghề phổ biến với các sản phẩm bằng tre, mây như gùi, dụng cụ đánh bắt thủy, hải sản,...

Nghề làm đồ trang sức với các sản phẩm như vòng, chuỗi cườm, khuyên (hoa tai),...



Hình 2.1 Một số hiện vật bằng đồ gốm (sành, sứ), đồ đất nung, đồ kim loại, các loại vò, chum, ché, đục, dao, liềm, kìm, chày, sàng, giỏ bằng đất nung, ... phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI

(Nguồn: Phú Xuân)



Hình 2.2. Một số hiện vật bằng gốm sứ, vỏ một số loại ốc, hàu, ... phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI

(Nguồn: Phú Xuân)

b. Thương nghiệp

Cư dân trong vùng chú trọng trao đổi sản phẩm với các vùng lân cận, hình thức trao đổi là vật đổi vật, sản phẩm trao đổi chủ yếu được khai thác từ rừng như gỗ, mật, sáp ong để đổi lấy đồ trang sức bằng vàng, thủy tinh, mã não, đồ gốm tốt,...



Hình 2.3. Một số hiện vật bằng gốm sứ có từ thời nhà Minh (Trung Quốc) được phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI
(Nguồn: Phú Xuân)



Hình 2.4. Một số hiện vật gốm sứ của Đại Việt và Thái Lan được phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI
(Nguồn: Phú Xuân)



Hình 2.5. Đồ gốm Champa phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI
(Nguồn: Phú Xuân)



Hình 2.6. Bát sứ phát hiện tại di chỉ Vòng thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) có niên đại vào khoảng thế kỉ XV – XVI
(Nguồn: Phú Xuân)

III. VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Đọc thông tin trong phần III, em hãy trình bày những nội dung chính về đời sống văn hoá, xã hội của cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.

1. Văn hoá

Cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có đời sống văn hoá phong phú, độc đáo, thể hiện bản sắc riêng.

Nguồn lương thực là lúa gạo, lúa nếp; thực phẩm gồm tôm, cá, cua, sò, ốc, thịt thú rừng; rượu cần,...

Cư trú: họ ở trong những ngôi nhà sàn, sinh hoạt gia đình đều diễn ra xung quanh bếp lửa, bên cạnh dựng kho chứa lúa. Nhà sàn được làm bằng cây gỗ, tre, nứa, lợp tranh hoặc lá rừng, cất trên những giồng đất gần sông, suối, cạnh các thung lũng núi,...

Trang phục: đàn ông đóng khố, phụ nữ quần váy tấm hoặc dùng một mảnh vải cát bồi (vải bông gòn) cuốn ngang lưng, mùa hè ở trần hay mặc áo cánh ngắn, mùa lạnh khoác trên mình tấm chăn; có tục hay xăm lỗ tai đeo ngọc, phụ nữ thích đeo nhiều đồ trang sức như vòng vàng, bạc, đồng, chuỗi cườm, khuyên (hoa tai) lớn dùng để căng tai,...

Nhạc cụ tiêu biểu là bộ công chiêng bằng đồng,...

Về tín ngưỡng: họ tin có thần (Yang), thờ cúng nhiều vị thần như thần núi, thần sông, thần lúa, thần rừng, thường mổ gia súc để tế thần.

Văn học: vốn văn học dân gian khá phong phú gồm truyền thuyết, truyện cổ, những bài dân ca trữ tình, các điệu hát đối đáp trong những dịp lễ hội,...

Các lễ hội: hằng năm, tổ chức các lễ hội như cúng thần lúa, cúng thần rừng.

2. Quan hệ xã hội

Trong thời kì này, tổ chức gia đình theo chế độ mẫu hệ vẫn được duy trì. Con gái được quyền thừa kế tài sản, nữ giới có quyền hơn nam giới, con cái theo họ mẹ. Tuy nhiên, các quan hệ của gia đình mẫu hệ từng bước tan rã, quan hệ gia đình phụ hệ đang hình thành.

Cộng đồng cư dân sống thành từng làng, trong một làng có nhiều dòng họ cùng cư trú.



LUYỆN TẬP

Em hãy trình bày khái quát các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.



VẬN DỤNG

Sưu tầm và viết bài giới thiệu về một lễ hội của một dân tộc cư trú lâu đời ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu.



MỤC TIÊU

- Nhận biết được các địa danh được phản ánh trong một số bài ca dao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình qua các bài ca dao, dân ca địa phương và một số hình thức nghệ thuật của ca dao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như: thể thơ, ngắt nhịp, gieo vần, các biện pháp tu từ,...
- Viết được một văn bản hoặc một đoạn văn nêu cảm nhận, tình cảm của bản thân khi đọc ca dao về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Có ý thức sưu tầm ca dao và giữ gìn di sản văn học dân gian của địa phương.



GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Nếu tục ngữ được ví như “túi khôn” của dân gian thì ca dao lại là tiếng nói tâm tình, là nơi thể hiện tâm hồn và tình cảm của người dân trong cuộc sống và trong lao động sản xuất. Ca dao không chỉ thể hiện tình cảm yêu ghét, giận thương mà còn phản ánh những tính cách, lối ứng xử của một cộng đồng, tộc người nói chung.

Với cách thức là thể thơ dân gian, ca dao mang những đặc trưng riêng về thể loại và tính vùng miền rõ nét. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là nơi hội tụ, sinh sống của cư dân đến từ nhiều vùng đất khác nhau. Ca dao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nhiều nội dung, gắn với các chủ đề như: ca dao về tình yêu quê hương đất nước, tình yêu lứa đôi, tình nghĩa vợ chồng hay đấu tranh với thiên nhiên, xây dựng quê hương,...

Chủ đề **Ca dao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu** sẽ giúp các em bước đầu tìm hiểu những bài ca dao về địa danh, về tình cảm trong gia đình và trong lao động sản xuất; từ đó giúp các em thêm yêu thương, trân trọng những địa danh, thắng cảnh và con người nơi đây.



CA DAO VỀ CÁC ĐỊA DANH Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



Hình 3.1. Bãi Trước, thành phố Vũng Tàu
(Nguồn: Hoàng Chương)

Thông tin trước khi đọc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nhiều địa danh nổi tiếng như: Tam Thắng, Hồ Tràm, Bãi Trước, Côn Đảo, ... Những địa danh này không chỉ thu hút bởi vẻ đẹp độc đáo mà còn chứa đựng những giá trị văn hoá, lịch sử to lớn và xuất hiện nhiều trong kho tàng ca dao, dân ca ở vùng đất này.

Đọc các bài ca dao

1. Anh đi Tam Thắng⁽¹⁾ xây đồn

Sú⁽²⁾ hoang mấy bãi, cát cồn mấy doi⁽³⁾

Đất đầy dấu hổ, chân voi

⁽¹⁾ Tam Thắng: Theo truyền thuyết, vào thời vua Gia Long (1802 – 1820), bọn cướp biển thường hay đột nhập cửa sông Bến Nghé đón đường cướp bóc tiền bạc, hàng hoá. Để bảo vệ thương thuyền của người Việt, vua Gia Long đã phái ba đội quân đi trên ba chiếc thuyền vào bảo vệ sự thanh bình của vùng bờ biển cửa ngõ và khai hoang lập ấp, làm ăn sinh sống. Năm Minh Mạng thứ ba (1822), nạn cướp biển không còn nữa, nhà vua ban chiếu khen thưởng chức tước, phẩm hàm và phần đất cho ba đội quân có công dẹp nạn cướp biển. Từ ba vị trí của ba đội quân dần dần hình thành nên ba làng. Làng thứ nhất gọi là làng Thắng Nhất, do ông Phạm Văn Dinh cai quản; làng Thắng Nhì do ông Lê Văn Lộc cai quản; làng Thắng Tam do ông Ngô Văn Huyền cai quản.

⁽²⁾ Sú: một loại cây bụi, lá dày, quả hình lưới liềm, hạt mọc rủ khi quả còn ở trên cành, thường mọc ở vùng bùn lầy nước lợ ven biển.

⁽³⁾ Doi: dải đất lồi ra phía biển do cát tạo thành.

Biển sâu mấy khúc, mỗ⁽¹⁾ chòi điểm canh

Ai về Gia Định quê mình

Nhắn cây có trái thì anh đón mình.

(Theo Đào Việt Hùng – Lương Minh Chung, Tài liệu dạy – học Ngữ văn địa phương

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Sử dụng trong các trường trung học cơ sở), NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

2. Dù ai đi đâu về đâu

Ngã tư Giếng Nước Vũng Tàu chớ quên

Rẽ ra mấy nẻo đường liền

Đường về Bãi Trước⁽²⁾, đường lên Phật đài.

(Theo Địa chí tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Khoa học Xã hội, 2005)

3. Đi đâu mà chẳng thấy về,

Hay là quần tía, tựa kẻ áo nâu

Ai về nhắn với ông Cầu,

Hòn Cau cách bãi Đầm Trầu bao xa?

(Theo Nguyễn Phương Uyên,

Chuyện về tên gọi Hòn Cau và bãi Đầm Trầu,

baobariavungtau.com.vn)



Hình 3.2. Một góc bãi Đầm Trầu,
huyện Côn Đảo

(Nguồn: Ban Quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo)

4. Ba phen quạ nói với diều

Ngã ba Rạch Cát có nhiều cá tôm.

(Theo Địa chí tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

NXB Khoa học Xã hội, 2005)

5. Ngó lên Đất Đỏ làm cỏ cho quen

Lưới Rê⁽³⁾ đi cưới một thiên cá mòi

Không tin giở quả ra coi

Rau răm ở dưới cá mòi ở trên.

(Theo Địa chí tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Khoa học Xã hội, 2005)

⁽¹⁾ Mỗ: nhạc khí gõ làm bằng tre, gỗ, lòng rỗng, dùng để điểm nhịp, đệm nhịp hay để báo hiệu, phát hiệu lệnh.

⁽²⁾ Bãi Trước: Nằm về hướng tây nam, bãi Trước, hay còn được gọi là bãi Tầm Dương, là một trong những bãi biển lớn, nổi tiếng của thành phố Vũng Tàu. Bãi Trước mang dáng hình như nửa vầng trăng tựa lưng vào đất liền với hai đầu là hai ngọn núi Tương Kỳ và Tao Phùng, có phong cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình.

⁽³¹⁾ Lưới Rê: là một trong những tên gọi của làng Phước Hải xưa (nay là thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ).

Câu hỏi:

1. Các bài ca dao trên nhắc đến địa danh nào? Những địa danh đó có gì đặc biệt?
2. Từ thời khẩn hoang, Gia Định – Đồng Nai trở thành biểu tượng thử thách ý chí phấn đấu, tinh thần kiên trì vượt khó và khả năng đương đầu với mọi hiểm nguy của những người khai hoang, lập nghiệp. Em hãy tìm trong bài ca dao số 1 những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự thử thách đó.
3. Qua mỗi bài ca dao ở trên, em nhận ra được tình cảm, cảm xúc gì ở nhân vật trữ tình? Em có nhận xét gì về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc đó?
4. Em hãy chỉ ra số tiếng, số dòng, cách gieo vần và ngắt nhịp của các bài ca dao trên, từ đó cho biết những bài ca dao trên được làm theo thể thơ gì?
5. Em ấn tượng với bài ca dao nào nhất? Tại sao?

NHÓM VĂN BẢN 2

CA DAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

1. Tiếng đồn các lái Đồng Nai

Tháng Giêng cưa ván, tháng Hai đóng thuyền

Tháng Ba củi lửa huyền thuyền,

Tháng Tư dọn thuyền quay trở lộn ra,...

Sài Gòn, Rạch Giá bao xa,

Lần theo tấm cá xa nhà đã lâu.

Một trăm ông lái lâu lâu

Đi qua Giáp Nước⁽¹⁾, Vũng Tàu phải ghé.

Kỳ lân có bãi Lưới Rê,

Non cao biển thẳm ử ê tắc lòng,...

Khúc nôi lụy nhỏ đầm đầm

Xích Lam đã khỏi, Bãi Dầm đã qua

Hồ Tràm, Hồ Đắc de ra

Thân Trong nằm trước, Mũi Bà nằm trong.

(Theo Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Khoa học Xã hội, 2005)



Hình 3.3. Mũi Nghinh Phong,
thành phố Vũng Tàu

(Nguồn: Hoàng Chương)

⁽¹⁾ *Giáp Nước*: nơi hai dòng hải lưu gặp nhau ngoài khơi Vũng Tàu, vào mùa gió nam có xu hướng lệch ra phía Bắc, vào mùa gió bắc có xu hướng lệch vào phía Nam; thường gây nguy hiểm cho ghe thuyền.

2. Mẹ thương con như nước bể bờ

Cha thương con đi sút cả móng chân

Chân đạp gai không nhớ lấy ra.

(Theo Đào Việt Hùng – Lương Minh Chung, Tài liệu dạy – học Ngữ văn địa phương

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Sử dụng trong các trường trung học cơ sở), NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu hỏi:

1. Những địa danh nào của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được nói đến trong bài ca dao số 1?
2. Xác định và chỉ ra giá trị của các biện pháp tu từ được sử dụng trong các bài ca dao số 1.
3. Bài ca dao số 1 làm cho em nghĩ đến những nghề nghiệp nào? Chia sẻ thông tin về nghề nghiệp đó.
4. Em hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tình cảm của cha mẹ đối với con trong bài ca dao số 2. Nêu cảm nhận của em về tình cảm đó.
5. Bài ca dao số 2 là sự bộc bạch tình cảm gia đình sâu nặng, là lời nhắc nhở của người xưa về tình cha, nghĩa mẹ, về bốn phận làm con, về tình làng nghĩa xóm gần bó, keo sơn. Từ những bài ca dao trên, em nhận ra điều gì về con người ở vùng đất này?



LUYỆN TẬP

1. Củng cố kiến thức: Từ những bài ca dao được học, em nhận ra điều gì về địa danh, con người ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một trong số các bài ca dao đã học.

Chuẩn bị: Đọc lại các bài ca dao đã học, chọn một bài ca dao gợi cho em nhiều cảm xúc nhất.

Tìm ý và lập dàn ý:

Sử dụng các câu hỏi tìm ý sau:

1. Cảm xúc của em khi đọc bài ca dao là gì?
2. Điều gì khiến cho em có cảm xúc đó?

Viết đoạn văn: Cần đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn và đảm bảo các ý đã tìm được ở phần trên.

Đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung: Em có thể nhờ bạn bè, thầy cô hoặc người thân đọc và góp ý.



VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm các bài ca dao, dân ca địa phương theo các gợi ý sau:

– Chuẩn bị phương tiện thực hiện: bút, giấy, máy ghi âm, máy ảnh (hoặc điện thoại có chức năng chụp ảnh).

– Yêu cầu: Khi sưu tầm, cần ghi rõ các thông tin sau:

+ Nguồn sưu tầm: do ai kể/ đọc/ hát (họ tên, tuổi, giới tính,...). Em nhớ nói rõ mục đích và xin phép người kể/ đọc trước khi ghi âm.

+ Thời gian và địa điểm sưu tầm. Nếu sưu tầm từ nguồn sách, báo, cần ghi rõ: tác giả, tên sách, năm xuất bản, trang.

+ Ghi chú về những điều em băn khoăn, thắc mắc (như các từ chưa hiểu, các dị bản,... và trao đổi với thầy cô, bạn bè).

2. Viết một bài (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về một bài ca dao địa phương.



ĐỌC MỞ RỘNG

Hai cực ngôn ngữ trong ca dao – dân ca Nam Bộ

Ngôn ngữ, cách nói của ca dao – dân ca Nam Bộ thường biểu hiện ở hai cực. Một cực là nhỏ nhẹ, hiền lành, dễ thương:

Trông lên chữ ử

Ngó xuống chữ ư

Anh thương em, thủng thẳng em ừ

Anh đừng thương vội, phụ mẫu từ nghĩa em.

Nước chảy liu riu

Lục bình trôi lú rú

Anh thấy em nhỏ xíu anh thương.

Hãy chú ý những chữ *ử, ư, ừ, từ* và *liu riu, lú rú, nhỏ xíu*. Giọng tâm tình rất nhỏ nhẹ, duyên dáng và sâu lắng. Điều ấy cũng thể hiện cả trong cách xưng hô. Chẳng hạn, ở Nam Bộ, về phía bên ngoài, em hoặc chị ruột của mẹ đều được gọi là dì, em hoặc anh ruột của mẹ đều được gọi là cậu. Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét: “Nam Bộ giọng nói nhẹ trong hơn, điệu hát thanh thoát hơn. Chủ quan tôi, tôi nhận thấy câu ca dao Nam Bộ có một dáng trong trẻo, lành hiền”. Người dân Nam Bộ rất quý trọng đời sống tình cảm,

tình nghĩa, nhạy cảm với sự dịu dàng, mềm mại, duyên dáng, đầy tình nhân ái của con người và ngôn ngữ Việt Nam.

Cực thứ hai là sức sống xông xáo, phóng túng, trẻ trung, hài hước. Điều này vừa phù hợp với tâm lí, tính cách con người, vừa phù hợp với phong cách sinh hoạt xã hội ở Nam Bộ. Người dân Nam Bộ yêu ra yêu, ghét ra ghét, cực nào cũng sống hết mình. Cuộc đời họ đã chứng tỏ sự trọng nghĩa khí, ưa tự do, thích tung hoành ngang dọc, đề cao trung hiếu, tiết nghĩa, bản lĩnh cứng cỏi, táo bạo được hình thành trong cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ trước một thiên nhiên hoang vu, dữ dằn trong những buổi đầu mở đất và trước một thực tế lịch sử ngày càng phức tạp dưới chế độ phong kiến thực dân: *Trời sanh cây cứng lá dai/ Gió lay mặc gió, chiều ai không chiều*. Cũng vì vậy, ca dao – dân ca Nam Bộ mang phong cách ngôn ngữ mạnh mẽ, xông xáo, bộc trực, đầy sức sống và cũng đầy dí dỏm, hài hước:

Con ếch ngồi dựa gốc bưng

Nó kêu cái quệt biểu ưng cho rồi.

(...)

Ngôn ngữ biểu hiện tình yêu của các chàng trai Nam Bộ giản dị, chân thực. Họ tâm sự: *Lòng em ở thẳng như đờn lên dây, Liệu sao em liệu thương thăm khó thương, Em nói rồi anh cũng vọt miệng nói theo*. Yêu nhau là *Cảng bước tới miệng lại chào liễn, Thương mình chặt tóc mình thề/ Chỉ trời vạch đất chớ hể bỏ nhau...*

(Theo Bùi Mạnh Nhị, *Một số đặc điểm ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ*, hcmup.edu.vn)

Hướng dẫn đọc mở rộng

1. Từ “cực” trong bài viết được hiểu như thế nào?
2. Tác giả bài viết cho rằng, ngôn ngữ trong ca dao – dân ca Nam Bộ được phân ra thành mấy “cực”? Đó là những cực nào?
3. Theo tác giả, điều gì tạo cho ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ có các “cực” như thế?

CHỦ ĐỀ 4

MỘT SỐ CA KHÚC VIẾT VỀ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



MỤC TIÊU

- Học sinh nghe và hiểu những ca khúc hay, tiêu biểu về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Nêu được nội dung và giá trị nghệ thuật của một số ca khúc viết về quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát *Mùa xuân Châu Đức* và một số bài hát, tiêu biểu về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Thực hiện những việc làm phù hợp góp phần bảo tồn và phát huy những nét đẹp văn hoá của quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu.



GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có một lịch sử hào hùng của thời kì chiến tranh cách mạng và là vùng đất mới của thời kì xây dựng, đổi mới và phát triển. Cùng với thời gian lịch sử ấy, đã có rất nhiều bài ca đi cùng năm tháng, trong giai đoạn kháng chiến và cả trong quá trình xây dựng, phát triển của đất nước.



KHƠI ĐỘNG

- *Hãy kể tên những ca khúc hay, tiêu biểu viết về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*



KHÁM PHÁ

Giới thiệu một số ca khúc đã đạt giải cao trong cuộc thi sáng tác về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

I. Tìm hiểu các ca khúc tiêu biểu viết về quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu

1. Nghe và tìm hiểu bài hát *Quê hương đẹp mãi những mùa xuân* – Nhạc và lời: Thanh Hoàng

1.1 Giới thiệu tác giả

Nhạc sĩ Thanh Hoàng sinh năm 1971, quê ở thành phố Đà Nẵng, tên thật là Hoàng Thanh Thu, hiện đang sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong bài hát này nhạc sĩ đã nói lên tình cảm của mình như một du khách say đắm với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong những lần đến thăm. Một số bài hát tiêu biểu của nhạc sĩ: *Chiến binh áo trắng, Châu Đức miền đất yêu thương,...*

Hình 4.1. Nhạc sĩ Thanh Hoàng
(Nguồn: Huyền Trang)



QUÊ HƯƠNG ĐẸP MÃI NHỮNG MÙA XUÂN

Nhạc và lời: Thanh Hoàng

Hơ hơ hơ hơ. Hơ hơ hơ hơ hơ.

Hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ

Chào một ngày mới ...đây ...phổ Châu quê hương Viên, Châu thân quen

tôi chưa đẹp thế bao giờ! Vũng Tàu đẹp ngàn Long ghi ngàn dầu oai hùng. Minh Bà Đạm vọng ngàn con đường vẫn khoe màu. Bà Rịa từng ngày

hoa sau nắng sớm mai giọt sương đọng trên lá. sau chiến khu xưa rừng thiêng hồn sông núi. qua đáng xinh hơn chiều hoa bằng lăng tím.

Thên thang sáng con đường đi qua ngôi trường. Quanh co những hang động vang câu hát trong lòng. Bâng khuâng đáng em về, nghe xao xuyến tâm hồn.

Thấp thoáng từng giàn khoan giữa khơi xa dòng dầu
 Trang sử vàng còn ghi anh bao anh hùng để hôm
 Bao kỉ niệm ngày xưa mãi trong tôi, để quê

1. lên đẹp bao mơ ước. Đáng đứng còn ...nay Tổ Quốc trong thanh
 ...hương xuân mãi với muôn

nước. Như núi Dinh hằng che chở bước quân đi.

Suối nước trong ấm lòng mọi người. Quyển luyện bao nhân tình vào mùa.

Trời mây bao la. Biển dâng trắng xóa Một miền quê hương mãi xuân

tươi vui mọi nơi. Tim về thành

1.2. Tìm hiểu bài hát

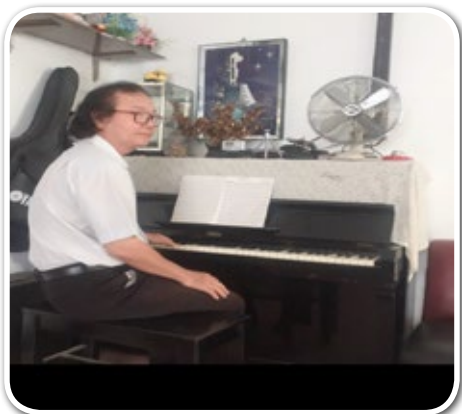
Bài hát *Quê hương đẹp mãi những mùa xuân* thể hiện tình cảm nhẹ nhàng, da diết và sâu lắng, như lời thổ lộ của tác giả “Mỗi người trong chúng ta đều có thể có những miền quê hương của mình. Đó có thể là nơi ta được sinh ra, đã sống và lớn lên, nhưng cũng có những miền ta đi ngang qua cũng đã là một phần của đời mình. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gợi cho tôi nhiều kỉ niệm đẹp của tuổi xuân. Trong miền kí ức ấy hiện ra sự mênh mông của biển Vũng Tàu; hình ảnh đoá lê-ki-ma vẫn nở hoa mỗi mùa thu và những cánh đồng lúa bát ngát thơm hương, quê hương của người nữ anh hùng Võ Thị Sáu gợi nhớ về lịch sử anh dũng hào hùng; vùng suối nóng êm đềm Bình Châu, rồi băng qua những cánh rừng xanh cao su bát ngát như những đoàn quân xếp hàng thẳng tắp, vô tận,... Tất cả đã cho tôi cảm xúc rung động và hình thành giai điệu, chớp cánh cho ca từ ca khúc. Bài hát là kỉ niệm thật đẹp với một miền quê tôi”.

2. Nghe và tìm hiểu bài hát *Chặng đường vươn tới tương lai* – Nhạc và lời: Phan Thiết

2.1. Giới thiệu tác giả

Nhạc sĩ Phan Thiết sinh năm 1949, quê ở tỉnh Nam Định, là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Yêu mến con người và mảnh đất nơi đây, nhạc sĩ Phan Thiết đã có 56 bài hát sáng tác về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Những bài hát tiêu biểu của ông: *Những điều có thể, Áo trắng nơi tuyến đầu, Gửi trọn niềm tin, Sáng mãi tuổi thanh xuân...*

Hình 4.2. Nhạc sĩ Phan Thiết
(Nguồn: Huyền Trang)



CHẶNG ĐƯỜNG VƯƠN TỚI TƯƠNG LAI

Nhạc và lời: Phan Thiết

Bừng sáng bừng sáng lên. Bình minh trên Bà Rịa Vũng Tàu
nồng ấm tình quê hương âm vang mãi bài ca. *Bamười (Đi bên)*
năm một chặng đường những tháng ngày cùng nhau vững bước, ba mươi
nhau ta cùng về để thăm lại miền quê Châu Đức, xanh cao
năm một hành trình là niềm tin thấp sáng trong trái tim. *Ánh nắng*
su rừng bạt ngàn cùng mùa xuân nở trắng hoa cà phê, *tới Phú*
mới chiếu soi chan hoà cùng sức sống mới với biết bao ước vọng, đi bên
Mỹ xôn xang phố cảng hoà những tiếng máy với bao sức trẻ, những em
nhau, sát vai đắp xây cuộc sống này. Gọi gió cơn sóng bạc đầu,
thơ, tung tăng bước nhanh vui đến trường. Còn mãi di tích tự hào,

đón những con tàu chiều về với phố biển, ngoài khơi lấp lánh ngôi
chiến khu Minh Đạm tình quê hương Đất Đỏ, truyền thống gắn bó bền

sao tháp khoan giếng dầu ánh lửa luôn thấp sáng, đọi nắng
nhau đến với Long Điền sớm chiều thơm hương lúa. Đàng đã

mây nước gọi mời hát chung với biển bài trường ca trên sóng,
dẫn lối soi đường bước đi vững vàng cuộc đời luôn đổi mới,

chào đón du khách muôn nơi đã luôn tìm
đậm sâu như nước sông Dinh mãi luôn tự...

1. về với Bà Rịa Vũng Tàu Đi bên... 2. ...hào với Bà Rịa Vũng Tàu.

Hơ hơ Hơ... Hơ Hơ... Hơ Hơ Hơ

♩ 3/4
Ba mươi... ...về với Bà Rịa Vũng Tàu. Cùng hướng về tương lai

chặng đường mới trọn niềm tin sáng ngời.

2.2. Tìm hiểu bài hát

Chặng đường vươn tới tương lai là bài hát có âm hưởng hào hùng, lời ca mang nội dung tự hào với sự đi lên của quê hương trong suốt 30 năm phát triển và tiếp bước để vươn tới tương lai.

3. Nghe và tìm hiểu bài hát *Vũng Tàu tình yêu của tôi* – Nhạc và lời: Trần Cao Vân

3.1. Giới thiệu tác giả

Nhạc sĩ Trần Cao Vân sinh năm 1959, quê ở tỉnh Quảng Trị; trước đây ông là giảng viên Trường Đại học Quảng Nam, hiện nay đã nghỉ hưu, đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau hơn 30 năm giảng dạy âm nhạc và hoạt động sáng tác, nhạc sĩ Trần Cao Vân đã đạt được nhiều giải thưởng có giá trị như: *Mơ quê* – giải xuất sắc tại liên hoan Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2011; *Người đàn ông Cơ Tu* – giải xuất sắc năm 2012; giải A tại cuộc thi sáng tác ca khúc về Quảng Nam lần thứ I với bài hát *Trà My gọi*; giải B tặng thưởng Văn hoá nghệ thuật Đất Quảng năm 2010 với ca khúc *Sóng vọng ngàn sau*; *Chiếc vòng K-Lim* – giải C cuộc thi sáng tác ca khúc về đề tài dân tộc thiểu số miền núi 2013; *Con ve gọi hè* – giải C cuộc thi sáng tác ca khúc về tuổi trẻ và nhà trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2013. Với những cống hiến ấy, nhạc sĩ Trần Cao Vân được tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp văn hoá nghệ thuật, Kỷ niệm chương của Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Kỷ niệm chương Vì thế hệ trẻ.



Hình 4.8. Nhạc sĩ Trần Cao Vân
(Nguồn: Huyền Trang)

VŨNG TÀU TÌNH YÊU CỦA TÔI

Nhạc và lời: Trần Cao Vân

$\text{♩} = 125$

Kìa những tia nắng lấp lánh vừa lên trên phố biển, cùng những cơn
Em ngân nga rộn vui nơi phố biển, hòa với cơn

gió nhẹ đưa con sóng xô triền miên. Nhẹ nâng cánh chim bên thuyền ta
gió dịu em con sóng nâng thuyền xa. Tình yêu thiết tha với thành phố

khơi xa Vũng Tàu thành phố bừng sáng lên chào ngày mới. Đàn
quê ta Vũng Tàu thành phố bừng sáng tươi cuộc đời mới. Kia

em tung tăng vui đùa tên phố, thành phố nào nức
bãi trước bãi sau lung linh sáng, thành phố thao thức

lòng ai, rộn ràng ca vui, rộn ràng tình yêu thành phố biển, thành
hải đăng, rọi vào mắt em, rọi vào tim tôi từ phố biển, thành

phố của ta đẹp tuyệt vời. Nhà ai vừa xây còn nguyên màu ngói hồng.
phố tình yêu thương gọi mời. Về đây tình yêu của tôi thêm ấm nồng.

Quyện bay trong gió mùi cá tôm thơm nồng.
Tình yêu tha thiết bùng cháy trong tim hồng.

Rạo rức người đến, rạo rức người đi, rạo rức nỗi nhớ về Vũng Tàu.
Ngập ngừng lời trao, rạo rức lòng tôi, một niềm tin yêu ôi Vũng Tàu.

Na na năn na năn na năn na na ra ri ra ri ra ri ra ri ra. Năn
Na ...

na năn na năn na năn na na ra ra ri ri ra ra ri ri ri ri ra ra ôi

1. Vũng Tàu lời hát của... 2. Vũng Tàu tình yêu của tôi.

3.2. Tìm hiểu bài hát

Nhạc sĩ Trần Cao Vân nói: “Vũng Tàu và những cảm xúc về thành phố biển cùng với tình yêu thiên nhiên, con người đã đến trong tôi rất tự nhiên. Ấp ủ những ca từ và giai điệu trong khoảng một tháng và rồi trong khoảng một ngày đêm tôi đã hoàn thành ca khúc. Những giai điệu theo phong cách jazz và pop có tính chất vui, sôi động như muốn nói lên sự tươi trẻ của con người, cuộc sống và thiên nhiên nơi đây”.

II. Tìm hiểu ca khúc thiếu nhi của quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu

Nghe và tìm hiểu bài hát Mùa xuân Châu Đức – Nhạc và lời: Hoàng Lương.

1. Giới thiệu tác giả

Nhạc sĩ Hoàng Lương tên thật là Hoàng Đình Lương (bút danh khác: Hà Phương Anh) sinh năm 1957 quê ở tỉnh Hải Dương, là hội viên Hội nhạc sĩ Việt Nam, phó chủ tịch Hội Văn hoá Nghệ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Những bài hát tiêu biểu của ông: nhạc múa Người con gái đất đỏ, Hội mùa Châu Ro, ca khúc Xuân phổ biến, Nghe tiếng Goongkla,...



Hình 4.4. Nhạc sĩ Hoàng Lương
(Nguồn: Báo Bà Rịa – Vũng Tàu)

MÙA XUÂN CHÂU ĐỨC

Nhạc và lời: Hoàng Lương

$\text{♩} = 138$

Chiều buông nhẹ rơi từng cánh chim là lời gọi nhau mùa xuân chuyển
...mai về đây Châu Đức đón mùa xuân cùng nhau dạo quanh đường

tiếng vui cây cành. Vàng cao su lá rơi nhẹ bay theo gió cuốn hương làn
phố khoe mai vàng. Trường học thay áo mới tiếng gọi nhau í ới, bé yêu mẹ

1. ngát thương chồi non. Rồi ...đón vui gia đình. Cánh én chao liệng khắp
2.

trời mùa xuân tươi khắp nơi. Nắng với hoa hoà tiếng cười chào thân quen phố vui.

Người, xe nối tiếp con đường rộng thân thiết qua từng con phố mới xinh xinh ngôi nhà



2. Tìm hiểu bài hát

Mùa Xuân Châu Đức của nhạc sĩ Hoàng Lương là bài hát có giai điệu nhẹ nhàng, da diết; lời ca miêu tả những nét đẹp tươi vui, đầy sắc màu của mùa xuân, những hình ảnh bình dị, gần gũi. Khi lời bài hát vang lên, những kí ức tươi đẹp lại tràn về, mang theo niềm khát khao trở về gia đình, trở về quê hương Bà Rịa - Vũng Tàu thân yêu.



LUYỆN TẬP

1. Học bài hát *Mùa xuân Châu Đức* – Nhạc và lời: Hoàng Lương

- Nghe bài hát và vỗ tay/ giậm chân theo phách.
- Tập hát từng câu và cả bài.
- Hát kết hợp vận động theo nhịp điệu.
- Nêu cảm nhận của em về bài hát *Mùa xuân Châu Đức*.

2. Luyện tập gõ đệm cho bài hát *Mùa xuân Châu Đức*.

a. Quan sát và nhận xét các âm hình tiết tấu sau:



b. Luyện tập mẫu tiết tấu trên kết hợp vận động cơ thể theo các bước sau:

- Đọc tiết tấu.
- Gõ tiết tấu.

3. Nghe và đoán tên các bài hát về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em đã được học.



VẬN DỤNG

1. Tập trình diễn bài hát *Mùa xuân Châu Đức* theo các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca.
2. Em cần làm gì để góp phần gìn giữ và đưa những bài hát hay về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trở nên phổ biến hơn?

CHỦ ĐỀ 5

HOẠ TIẾT TRÊN CÁC SẢN PHẨM THỦ CÔNG MĨ NGHỆ Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



MỤC TIÊU

- Kể được tên các làng nghề truyền thống và giới thiệu một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ đặc sắc của địa phương.
- Nhận biết và phân biệt họa tiết trên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, trình bày được nét tiêu biểu trong trang trí diều Thừng, diều sáng tạo, trang trí trên sản phẩm đúc đồng, họa tiết trên trang phục dân tộc Chơ Ro.
- Thực hiện sản phẩm mỹ thuật với chủ đề họa tiết trang trí.
- Tham gia gìn giữ và phát huy những giá trị nghệ thuật đặc sắc của địa phương bằng một hoạt động cụ thể.



GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được nhiều người biết đến bởi những địa danh du lịch nổi tiếng, phong cảnh nên thơ, bãi cát dài uốn lượn bên dòng nước trong xanh. Các hoạt động vui chơi, giải trí trên biển thu hút sự quan tâm của du khách khi đến tham quan vùng đất này. Những cánh diều no gió với sắc màu sặc sỡ đã góp phần tạo nên một bức tranh phong cảnh sống động, đầy ấn tượng. Bên cạnh đó, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu luôn gìn giữ và phát triển giá trị của các làng nghề truyền thống, những sản phẩm đồ đồng được đúc tinh xảo, khéo léo, tiếp nối qua nhiều thế hệ. Hằng năm, nơi đây thường diễn ra nhiều lễ hội truyền thống có ý nghĩa đối với đời sống tinh thần của người dân, thể hiện nét đẹp nhân văn, truyền thống



Hình 5.1. Thả diều tại bãi biển Vũng Tàu
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc, đặc biệt là cộng đồng dân tộc Chơ Ro với trang phục truyền thống ấn tượng.

Chủ đề mỹ thuật **Hoạ tiết trên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu** mang đến cho các em học sinh kiến thức về thẩm mỹ, nét đẹp văn hoá truyền thống, sự tinh xảo, tài hoa của nghệ nhân thông qua các sản phẩm mỹ nghệ. Từ đó, học sinh hình thành được ý thức trong việc tìm hiểu, gìn giữ và bảo tồn nghệ thuật đặc trưng của địa phương.



KHỞI ĐỘNG

Học sinh xem một số hình ảnh về các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Em hãy kể tên các nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương.
- Học sinh giới thiệu một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ ở Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.



Sản phẩm được chế tác từ vỏ ốc
(Nguồn: Mỹ nghệ Thanh Thêm)



Hoạ tiết con lân trên đồ đồng
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)



Trang phục truyền thống của phụ nữ Chơ Ro
(Nguồn: Minh Thanh)

Hình 5.2. Một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu



1. Tìm hiểu nghề đúc đồng và nghệ nhân đúc đồng ở huyện Long Điền

– Em hãy kể tên một vài nghệ nhân đúc đồng ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

– Em hãy giới thiệu một vài sản phẩm đúc đồng nổi tiếng ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề đúc đồng ở huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tồn tại và phát triển hàng trăm năm. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, người dân nơi đây luôn gìn giữ và nối tiếp nghề đúc đồng truyền thống. Ngày nay, thương hiệu đồng Long Điền đã tạo được tiếng vang ở khu vực miền Nam. Bên cạnh việc sản xuất những sản phẩm phục vụ văn hoá tín ngưỡng, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ đặc sắc, làng nghề đúc đồng Long Điền còn là điểm tham quan thú vị đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

Trước đây, nghề đúc đồng ở huyện Long Điền là điểm tham quan thú vị đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Ngày nay, các cơ sở đúc đồng không còn nhiều như trước, nhưng vẫn còn không ít nghệ nhân tâm huyết với nghề và luôn quyết tâm lưu giữ những giá trị truyền thống, nét tinh hoa của làng nghề, trong đó, phải kể đến những cái tên như: nghệ nhân Trần Văn Nhàn, nghệ nhân Dương Trung Hiếu, nghệ nhân Dương Trung Tuấn,...



Hình 5.3. Thợ làm chuông đồng huyện Long Điền
(Nguồn: baria-vungtau.gov.vn)



Hình 5.4. Sản phẩm chuông đồng Long Điền
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

2. Tìm hiểu một số hoạ tiết trên sản phẩm đúc đồng ở huyện Long Điền

– Trình bày nét tiêu biểu, đặc sắc về hoạ tiết trang trí trên sản phẩm đúc đồng của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Nêu ý nghĩa, đường nét một vài hoạ tiết trang trí trên sản phẩm đúc đồng mà em biết.

Huyện Long Điền tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là nơi lưu giữ và tiếp nối nghề đúc đồng truyền thống. Ở đó có những người thợ tài hoa, khéo léo tạo nên những sản phẩm đúc đồng tinh tế, tinh xảo phục vụ cho đời sống như: đồ thờ cúng (lư đồng, chân đèn, đại hồng chung, tiểu hồng chung, chập chĩa, chuông, chiêng,...), các vật dụng thường ngày (mâm, nồi, cối đựng trấu, đĩa, bát,...). Hoạ tiết trên đồ đúc đồng được chạm, khắc tỉ mỉ, công phu với hình ảnh tứ linh Long – Lân – Quy – Phụng, hoa lá, vân mây,... có ý nghĩa quan trọng đối với văn hóa người Việt. Sản phẩm đúc đồng ở huyện Long Điền vừa mang nét truyền thống riêng vừa đầy sáng tạo phù hợp với thời đại.



Hình 5.5. Hoạ tiết rồng chầu mặt nguyệt
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)



Hình 5.6. Hoạ tiết chữ đinh
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)



Hình 5.7. Hoạ tiết vân mây
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

3. Tìm hiểu các hoạ tiết trang trí trên điều Thừng Đất Đỏ và các nghệ nhân

- Trình bày cảm nhận của em về điều Thừng Đất Đỏ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Hãy nêu nét tiêu biểu, đặc sắc về hoạ tiết trang trí trên điều Thừng Đất Đỏ.
- Ngoài các nghệ nhân như Quốc Linh, Thanh Phong, Hoàng Luân,... em hãy giới thiệu thêm một vài nghệ nhân điều Thừng mà em biết.

Ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hoạt động thả diều, chơi diều luôn được người dân quan tâm. Điều Thừng Đất Đỏ là một sản phẩm mang nét đặc sắc riêng bởi sự đơn giản về màu sắc, kiểu dáng và hoa văn trang trí.

Ngoài ra, các loại điều nghệ thuật cũng được các nghệ nhân chế tác để tạo ra những cánh điều thanh thoát, có giá trị thẩm mỹ, tạo được tiếng vang với bạn bè quốc tế.

Điều Thừng Đất Đỏ thu hút sự quan tâm của giới trẻ, có nhiều câu lạc bộ điều Thừng được thành lập để giao lưu và tổ chức hội thi. Các nghệ nhân Quốc Lĩnh, Tám Hiếu, Bảy Nhí, Hoàng Luân, Thanh Phong, Ngọc Cần,...luôn hăng say tìm tòi, nghiên cứu, chế tác ra những sản phẩm điều Thừng đẹp, ấn tượng nhưng vẫn giữ được nét truyền thống quê hương.

Hoạ tiết trang trí trên điều Thừng đơn giản, chủ yếu là những đường sọc ngang với màu sắc tươi, sáng, tương phản tạo cảm giác vui mắt, cách phối màu thể hiện cảm nhận của nghệ nhân, không theo quy luật. Một số nghệ nhân sử dụng hoạ tiết các loại chim, chữ thư pháp để làm phong phú thêm con điều của mình.



Những con điều đầy sắc màu của các nghệ nhân câu lạc bộ Điều Thừng Đất Đỏ
(Nguồn: Quốc Lĩnh)



Khoe sắc (Nguồn: Quốc Lĩnh)



Đón gió xuân (Nguồn: Quốc Lĩnh)



4

Chim ưng (Nguồn: Quốc Linh)



5

Bay cao ước mơ (Nguồn: Quốc Linh)

Hình 5.8. Một số hình ảnh về điều Thưởng Đất Đỏ

– Quan sát hình 5.9, em hãy miêu tả một số họa tiết sáng tạo trong trang trí trên điều mà em biết.

– So sánh nét trọng tâm, tiêu biểu giữa họa tiết trang trí điều Thưởng và điều nghệ thuật.



1

Những cánh điều hình sinh vật biển
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

Điều tung cánh
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)



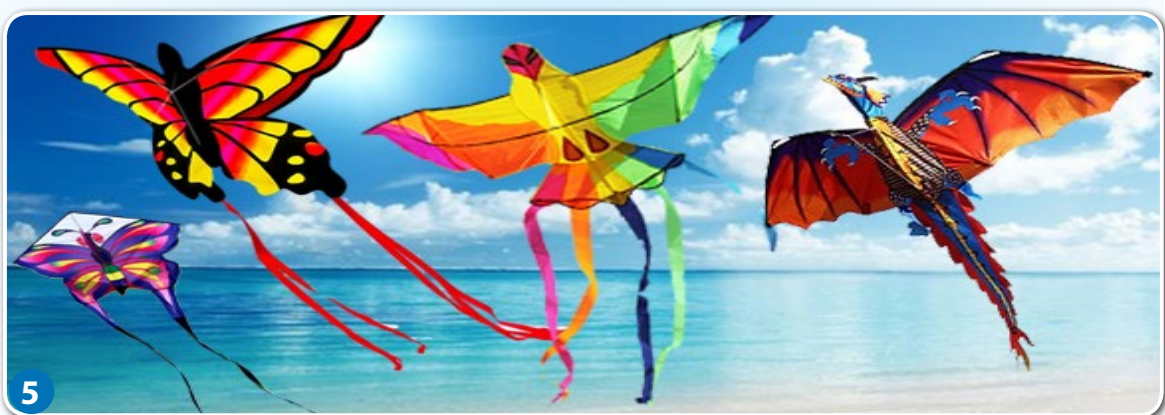
2



Những con diều mang đầy
màu sắc
(Nguồn: thodiavungtau.nv)



Lễ hội thả diều
bãi biển Vũng Tàu
(Nguồn thodiavungtau.nv)



Ấn tượng những cánh diều
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

Hình 5.9. Một số hình ảnh diều nghệ thuật

4. Tìm hiểu hoạ tiết trang trí trên trang phục dân tộc Chơ Ro và các nghề nhân

– Hãy trình bày màu sắc đặc trưng trong trang phục dân tộc Chơ Ro.

– Nêu hình dạng các hoạ tiết trong trang phục dân tộc Chơ Ro.

– Mô tả một vài trang sức của người Chơ Ro mà em biết.

Đồng bào dân tộc Chơ Ro tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có hơn 9 000 người, tập trung chủ yếu ở các huyện: Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ và thị xã Phú Mỹ.

Trang phục truyền thống của người Chơ Ro gồm có váy dành cho nữ, khố dành cho nam, với màu sắc và hoa văn độc đáo.

Hiện nay, trang phục Chơ Ro đang dần ít được sử dụng, nghề dệt thổ cẩm đã bị thất truyền. Để gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc, ông Trần Tấn Vĩnh – người con của đồng bào dân tộc Chơ Ro đã đề xuất nghiên cứu, phục chế trang phục Chơ Ro để làm đồng phục cho học sinh Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đồng thời phục vụ cho một số lễ hội cũng như mặc vào các dịp lễ, tết. Trong những năm gần đây, thầy giáo Đào Quốc Trung – Giáo viên Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đã và đang tìm tòi, nghiên cứu và phát triển nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc Chơ Ro.



Hình 5.10. Trang phục trong lễ Sayangva của người Chơ Ro
(Nguồn: Quỳnh Lưu)



Hình 5.11. Trang phục nam dân tộc Chơ Ro
(Nguồn: Đào Quốc Trung)



Hình 5.12. Trang phục nữ dân tộc Chơ Ro
(Nguồn: Đào Quốc Trung)



Hình 5.13. Trang phục và trang sức phụ nữ Chơ Ro
(Nguồn: Nhà xuất bản Thông tấn)

Các dạng hoa văn hoạ tiết trên trang phục dân tộc Chơ Ro bao gồm: hình vuông lớn, nhỏ, hình tam giác xen kẽ, nối tiếp nhau; các đường dích dắc phối hợp đường sọc nhỏ tạo cảm giác vui mắt. Màu sắc chủ đạo của hoạ tiết là đen, nâu, tím phối hợp với sắc trắng, xanh lá, vàng, cam, hồng tạo sự phong phú cho hoạ tiết của trang phục.

Trang sức của người Chơ Ro hiện nay đang bị mai một, chỉ còn một vài loại dây chuyền, vòng đeo tay bằng bạc.



Hình 5.14. Hoạ tiết trên trang phục dân tộc Chơ Ro
(Nguồn: Đào Quốc Trung)



LUYỆN TẬP

Phân tích giá trị nghệ thuật trên hoạ tiết trang trí các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu



Hình 5.15. Đỉnh đồng
(Nguồn: Nguyễn Văn Bình)

Trình bày cảm nhận của mình về sản phẩm đỉnh đồng trong cuộc sống theo gợi ý:

- Ý nghĩa tinh thần, tâm linh.
- Nét đẹp văn hoá, truyền thống.
- Cảm nhận cá nhân về nét đẹp của các hoạ tiết trên đỉnh đồng (long, lân, vân mây, dây leo,...).



Hình 5.16. Trang phục học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Nguồn: Hồng Thanh)

Quan sát hình 5.16, hãy miêu tả nét đặc sắc của hoạ tiết trên trang phục dân tộc Chơ Ro theo gợi ý:

- Màu sắc chủ đạo.
- Hình dáng hoa văn.
- Cách sắp xếp hoạ tiết.



Hình 5.17. Sản phẩm mỹ nghệ từ vỏ ốc
(Nguồn: Mỹ nghệ Thanh Thêm)

Trong rất nhiều sản phẩm được làm từ vỏ ốc, em thích nhất sản phẩm nào? Vì sao?

Gợi ý:

- Hình dáng, màu sắc sản phẩm.
- Cách phối hợp vật liệu.
- Ý tưởng sáng tạo của nghệ nhân.



VẬN DỤNG

Tham khảo các bước tạo dáng và trang trí con diều theo chủ đề ca ngợi quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hình thức: cá nhân hoặc nhóm.

Kích thước: vẽ trên khổ giấy A4.

Chất liệu: màu nước, chì màu, màu sáp,...

Gợi ý các bước:

– Tạo dáng diều:

+ Tìm hình dáng của diều, vẽ phác hình dáng chung của diều dựa trên các hình cơ bản: vuông, chữ nhật, tam giác, tròn,...

+ Vẽ trục đối xứng, tìm tỉ lệ các bộ phận của diều, phác hình bằng nét thẳng.

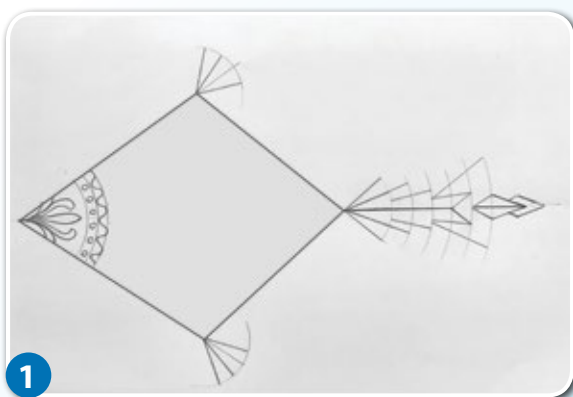
+ Hoàn thiện hình dáng của diều.

– Trang trí diều:

+ Phân chia các hình mảng trang trí diều.

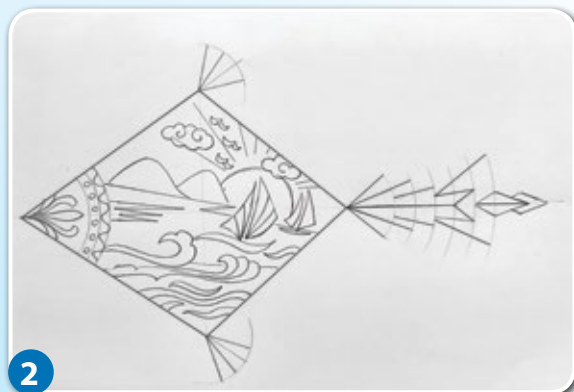
+ Vẽ hoạ tiết vào các hình mảng: chú ý lựa chọn hoạ tiết chủ đạo về thiên nhiên, hoa lá, chim, thú hoặc phong cảnh biển của Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Vẽ màu và hoàn thiện sản phẩm.



1

Tạo dáng điều



2

Phác thảo nét trang trí



3

Vẽ chi tiết nét trang trí



4

Vẽ màu, hoàn thiện sản phẩm

Sau khi hoàn thành sản phẩm, học sinh (hoặc đại diện nhóm) trình bày ý tưởng sáng tạo của mình về đường nét, họa tiết, màu sắc và tính thẩm mỹ của sản phẩm.

CHỦ ĐỀ 6

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



MỤC TIÊU

- Mô tả được những nét khái quát về Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.
- Nêu được ý nghĩa của mỗi di tích trong Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.
- Trình bày được những quy định cơ bản của pháp luật đối với việc bảo tồn di sản văn hoá.
- Phân tích được thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.
- Đề xuất được các biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.



GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Ngày 29/4/1979, Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) đã ra Quyết định số 54-VHTT/QĐ công nhận Khu di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo. Ngày 10/5/2012, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 548/QĐ-TTg công nhận Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo là di tích quốc gia đặc biệt. Với nội dung bài học dưới đây, các em sẽ được tìm hiểu Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo – nơi biết bao thế hệ chiến sĩ cách mạng, nhân dân đã anh dũng ngã xuống vì nền độc lập, tự do của dân tộc. Từ đó, bồi đắp thêm tình yêu, lòng tự hào về mảnh đất và con người Côn Đảo nói riêng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói chung.



KHỞI ĐỘNG

Lắng nghe bài hát *Biết ơn chị Võ Thị Sáu* (sáng tác: Nguyễn Đức Toàn) và trả lời các câu hỏi:

- Bài hát ra đời trong hoàn cảnh nào?
- Bài hát thể hiện nội dung gì?
- Bài hát có ý nghĩa như thế nào?



I. DI TÍCH LỊCH SỬ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

- Kể tên các di tích tiêu biểu trong Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.
- Nêu ý nghĩa của mỗi di tích trong Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.

1. Nhà tù Côn Đảo

Nhà tù Côn Đảo do người Pháp thành lập năm 1862, được duy trì và bổ sung trong nhiều giai đoạn về sau. Nhà tù được mệnh danh là “Địa ngục trần gian” với hệ thống nhà tù kiên cố như: Trại Phú Hải, Trại Bắc Ái, Trại Phú Sơn,... nơi từng giam cầm, đầy đọa hàng vạn chiến sĩ cách mạng và những người yêu nước Việt Nam.



Di tích cổng trại Phú Sơn, Nhà tù Côn Đảo



Di tích xà lim Trại Phú Sơn (Trại 3), Nhà tù Côn Đảo

Hình 6.1. Nhà tù Côn đảo (Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Nhà tù Côn Đảo còn được ví như “trường học” lớn của những người cộng sản. Trong 113 năm tồn tại (1862 – 1975), hầu như không có ngày nào trên mảnh đất Côn Đảo, từ Chuồng Cọp, Chuồng Bò đến hầm xay lúa, từ cầu tàu 914, cầu Ma Thiên Lãnh đến Sở Củi, Sở Lưới,... lại không có những người tù ngã xuống. Hàng vạn người tù đã vĩnh viễn nằm lại trên hòn đảo này.



Hình 6.2. Tranh vẽ chuyến tàu đưa Bác Tôn và các chiến sĩ cách mạng từ Côn Đảo về đất liền (tháng 9 – 1945)



Hình 6.3. Hầm xay lúa Côn Đảo – “Nhà tù trong nhà tù, địa ngục trong địa ngục”



Hình 6.4. Mô phỏng cảnh tra tấn tù nhân ở nhà tù Côn Đảo
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Đến Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo là tìm về cội nguồn, nhớ về truyền thống cách mạng, lòng biết ơn những hi sinh xương máu của thế hệ cha ông trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

2. Nghĩa trang Hàng Dương

Nghĩa trang Hàng Dương là một phần quan trọng trong Di tích Quốc gia đặc biệt – Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.



Hình 6.5. Cổng vào Nghĩa trang Hàng Dương, Côn Đảo
(Nguồn: vovworld.vn)

Nghĩa trang Hàng Dương được tôn tạo và xây dựng lại năm 1992, trên diện tích 20 ha, gồm 4 khu: A, B, C, D. Đây là nơi an nghỉ của hàng ngàn chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước Việt Nam, điển hình như: nhà yêu nước Nguyễn An Ninh, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu, Anh hùng liệt sĩ Cao Văn Ngọc,...



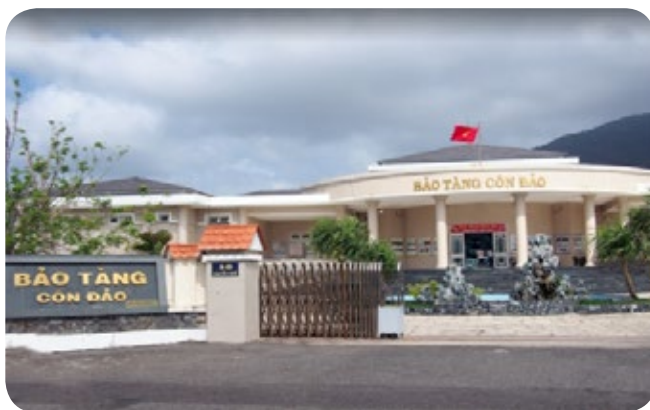
Hình 6.6. Một góc Nghĩa trang Hàng Dương, Côn Đảo và tượng đài ở Nghĩa trang Hàng Dương – biểu tượng về ý chí trung kiên, bất khuất của tù nhân Côn Đảo
(Nguồn: vov1.vov.gov.vn)

Cho đến năm 2022, sau 30 năm tôn tạo xây dựng lại Nghĩa trang Hàng Dương, mới có 1 913 ngôi mộ được tìm thấy, trong đó có 793 ngôi mộ có tên, còn hài cốt của gần 2 vạn người tù khác vẫn chưa tìm được.

Mỗi phần mộ ở Nghĩa trang Hàng Dương là nơi ghi lại từng tấm gương trung kiên, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù đế quốc. Đến Nghĩa trang Hàng Dương, khách tham quan sẽ cảm nhận được sự ấm cúng lan toả trong tiếng nhạc trầm hùng, phát ra từ những chiếc loa nhỏ đặt rải rác giữa các phần mộ. Hoà với tiếng nhạc là tiếng gió vi vút từng hồi, mang theo tiếng sóng rì rào của biển, tạo nên thanh âm ru cho các anh hùng, liệt sĩ yên nghỉ.

3. Bảo tàng Côn Đảo

Bảo tàng Côn Đảo được khởi công xây dựng vào tháng 12/2009 với tinh thần “Côn Đảo với cả nước – cả nước vì Côn Đảo”. Bảo tàng gồm nhà chính cao hai tầng, diện tích xây dựng hơn 3 500 m², diện tích sân hơn 2 700 m². Nơi đây đang lưu giữ, trưng bày hơn 1 000 tài liệu, hiện vật quý giá, được sắp xếp, trưng bày với các chủ đề: Côn Đảo – Thiên nhiên, Con người; Côn Đảo – Địa ngục trần gian; Côn Đảo – Trận tuyến, Trường học, Không gian Võ Thị Sáu và Côn Đảo ngày nay.



Hình 6.7. Bảo tàng Côn Đảo
(Nguồn: dulichvietdu.com)

Bảo tàng Côn Đảo trở thành nơi gìn giữ những kỉ vật gắn liền với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bảo tàng còn ghi dấu truyền thống đấu tranh cách

mạng của Đảng và nhân dân ta, nêu cao những tấm gương bất khuất của các chiến sĩ cách mạng đã hi sinh cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

4. Dinh Chúa đảo

Dinh Chúa đảo tọa lạc trên đường Tôn Đức Thắng, là trục đường chính với hàng cây bàng cổ thụ lâu năm, được mệnh danh là con đường đẹp nhất Côn Đảo. Dinh được hình thành cùng với cơ sở hạ tầng của đảo vào khoảng năm 1862 – 1876 với tổng diện tích gần 18 600 m², bao gồm: nhà chính, nhà phụ và sân vườn,...



Có 53 đời chúa đảo trong 113 năm (1862 – 1975) đã sống và làm việc tại Dinh Chúa đảo. Trong đó, có 39 chúa đảo thời thuộc địa Pháp và 14 chúa đảo thời đế quốc Mỹ.

Hình 6.8. Di tích Dinh Chúa đảo, Nhà tù Côn Đảo
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Dinh Chúa đảo ban đầu là nơi sinh hoạt và làm việc của các chúa đảo. Đối lập với lối sống xa hoa của giới cai trị bên trong dinh, bên ngoài dinh là cuộc sống đói khổ, cơ cực của tù nhân.



Hình 6.9. Phòng khách Dinh Chúa đảo
(Nguồn: phongnhaexplorer.com)



Hình 6.10. Nơi nghỉ ngơi, giải trí ở Dinh Chúa đảo
(Nguồn: phongnhaexplorer.com)

Sau này, Dinh Chúa đảo trở thành nơi thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên của Côn Đảo vào năm 1945. Từ năm 1975, sau khi Côn Đảo được giải phóng hoàn toàn, Dinh Chúa đảo được sử dụng làm Bảo tàng Di tích lịch sử và văn hoá ở Côn Đảo với bốn chủ đề: Đất nước và con người, Địa ngục trần gian, Trường học đấu tranh cách mạng, Di tích lịch sử cách mạng và lòng người Việt.

Di tích Quốc gia đặc biệt – Nhà tù Côn Đảo có giá trị lịch sử, văn hoá mang tính đặc trưng, đóng vai trò quan trọng trong công tác giáo dục truyền thống cho các thế hệ người dân địa phương cũng như cả nước.

II. BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

- Trình bày những quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến bảo vệ di sản văn hoá.
- Kết quả của quá trình bảo tồn, phát huy giá trị Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo đã được thể hiện như thế nào?

• Em có biết? •

Quy định về bảo vệ di sản văn hoá

– Nghị định số 109/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 21/9/2017 quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, có ý nghĩa đối với cộng đồng xã hội và quốc tế.

– Theo quy định tại Điều 13 Luật Di sản văn hoá 2001, nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hoá;
2. Huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá;
3. Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh;
4. Mua bán, trao đổi và vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài;
5. Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá để thực hiện những hành vi trái pháp luật.

– Đối với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tại Điều 6, Chương II của Quy chế Quản lý Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 7/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) quy định về việc bảo vệ môi trường trong khu du lịch, điểm du lịch và các di tích lịch sử – văn hoá quy định cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng và khai thác môi trường nhằm mục đích kinh doanh du lịch phải thực hiện:

a) Đánh giá tác động môi trường, đăng ký cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường, trong đó giải trình các yếu tố có thể gây ảnh hưởng đến môi trường và các biện pháp giảm thiểu. Bảo đảm thực hiện đúng các tiêu chuẩn môi trường trong quá trình kinh doanh du lịch.

b) Niêm yết nội quy bảo vệ môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch, khu vực du lịch cộng đồng, tổ chức phương tiện đường thuỷ, đường bộ; hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải đúng quy định.

c) Có biện pháp phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường.

d) Bồi thường thiệt hại do có hành vi gây tổn hại đến môi trường.

2. Việc khai thác nguồn nước ngầm nhằm sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh dịch vụ phải có thiết kế theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo khai thác và sử dụng lâu bền, hợp lý tài nguyên nước, có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường.

3. Việc sử dụng mặt nước:

a) Nghiêm cấm các hành vi gây xói lở, làm trượt đất, phá hoại cảnh quan thiên nhiên trong khu du lịch, điểm du lịch.

b) Rác, chất thải phải được thu gom và xử lý đúng quy định. Nghiêm cấm việc xả chất thải, xác động vật, dầu, nhớt ra môi trường không đúng quy định. c) Các loại tàu thuyền đánh bắt thủy sản phải neo đậu đúng nơi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, không làm ảnh hưởng đến tài nguyên du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của khách du lịch.

4. Khách du lịch đến tham quan các điểm di tích lịch sử – văn hoá phải chấp hành nội quy quy định. Giữ gìn vệ sinh môi trường, không có hành vi làm tổn hại đến các di tích lịch sử – văn hoá.

5. Không chặt phá các loại cây trồng trong khu du lịch, điểm du lịch và các di tích lịch sử – văn hoá; tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp, vì mục đích cải tạo mặt bằng hoặc lí do chính đáng khác muốn chặt, đốn cây trồng phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân lập quy hoạch và tổ chức trồng cây trong khu du lịch, điểm du lịch.

6. Cộng đồng dân cư tại các khu du lịch, điểm du lịch, khu văn hoá du lịch cộng đồng, các tổ chức, cá nhân và khách du lịch có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn cảnh quan, môi trường, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

7. Tại các khu du lịch, tuyến, điểm du lịch trong Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, căn cứ quy định hiện hành xây dựng quy định sức chứa của môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Công tác bảo vệ Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo

Công tác trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo được thực hiện đúng theo nguyên tắc bảo tồn di tích và đã đạt được một số kết quả khả quan; nêu cao ý thức của nhân dân, các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể trong việc bảo vệ, gìn giữ di tích,

nhằm kịp thời ngăn chặn tình trạng xuống cấp di tích. Công tác bảo vệ, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ tạo mỹ quan và môi trường xanh – sạch – đẹp trong di tích. Công tác bảo tồn đã thực hiện trùng tu các di tích: nhà Công Quán, Chuồng cạp Pháp, An Sơn Miếu, Trại Phú Phong, thực hiện chống xuống cấp di tích Chuồng Bò, di tích Dinh Chúa đảo; cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Mở rộng sân hành lễ, xây mới nhà hoá vàng trong di tích Nghĩa trang Hàng Dương; mở rộng bãi đậu xe khu di tích: Trại 6 (Phú An), Trại 7 (Phú Bình). Giám sát thi công công trình nhà vệ sinh, bãi đậu xe tại cụm di tích: Trại 1 (Phú Thọ), Trại 4 (Phú Tường), Trại 5 (Phú Phong), Chuồng cạp Pháp, Trại 2 (Phú Hải). Giám sát thi công chống xuống cấp di tích: Trại 1 (Phú Thọ), Trại 2 (Phú Hải), Trại 3 (Phú Sơn), Trại 4 (Phú Tường).

Về hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc, Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo luôn được phát huy giá trị một cách tốt nhất trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Phục vụ đón tiếp hàng vạn lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan, gồm: thanh niên, học sinh, sinh viên về nguồn, cựu tù chính trị Côn Đảo, gia đình thân nhân các liệt sĩ, các tổ chức, cá nhân,...

Công tác bảo tồn và phát huy giá di sản văn hoá luôn được chú trọng. Nguồn nhân lực thường xuyên được đào tạo, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Nhiều tư liệu, hiện vật được sưu tầm, bổ sung; công tác tuyên truyền được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; nhiều sự kiện lớn của đất nước được tổ chức tại Côn Đảo như: cầu truyền hình trực tiếp với chủ đề “Thiên liêng Côn Đảo”, “Côn Đảo bản anh hùng ca”, “Khí phách Việt Nam”, “Chung sức cùng Côn Đảo”,...

2. Một số giải pháp tăng cường bảo tồn, phát huy giá trị của Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo

Thứ nhất: Đa dạng hoá hoạt động bảo tàng, thực hiện có hiệu quả các cuộc triển lãm lưu động với phương châm “Đưa bảo tàng, di tích đến với công chúng”. Đội ngũ làm công tác hướng dẫn viên cần trang bị những kiến thức, phẩm chất và năng lực, trình độ ngoại ngữ cơ bản,... để du khách tham quan được chào đón với một phong cách thân thiện, chuyên nghiệp,... tạo nên ấn tượng đẹp, sự tin tưởng đối với du khách.

Thứ hai: Quan tâm và có chế độ tương xứng đối với những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi (nhất là trình độ ngoại ngữ) để họ thật sự yên tâm, gắn bó lâu dài với Côn Đảo. Đồng thời, tạo cho địa phương nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Thứ ba: Xã hội hoá công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá cần được đẩy mạnh với trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Thứ tư: Triển khai thực hiện Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 2/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Quốc gia đặc biệt Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thực hiện hiệu quả việc bảo tồn, tôn tạo nhằm phát huy giá trị khu di tích một cách bền vững.

Thứ năm: Gắn kết, đồng nhất trong quản lí và phát huy giá trị văn hoá, lịch sử gắn với du lịch, để có một chương trình tham quan khép kín, tạo sự đa dạng, mới mẻ đối với du khách.

Công tác quản lí, bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt không chỉ là trách nhiệm của những người trực tiếp quản lí di sản văn hoá, mà còn là trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân cả nước. Tổng Bí thư Lê Duẩn, người từng bị giam cầm ở Côn Đảo 10 năm, khi thăm Di tích nhà tù Côn Đảo (ngày 27/8/1976), đã nói: "...Côn Đảo là một hòn đảo anh hùng, Côn Đảo là một di tích lịch sử vĩ đại. Côn Đảo là một trường học lớn với các thế hệ mai sau. Các đồng chí hãy ra sức phấn đấu xây dựng Côn Đảo chẳng những trở thành một hòn đảo giàu đẹp về kinh tế, mạnh về quốc phòng mà còn phải gìn giữ những di tích lịch sử ấy trở thành tài sản của nhân dân, một thứ tài sản vô giá lưu truyền cho đến nghìn đời con cháu mai sau...".



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy về các di tích trong Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.
2. Em hãy nêu những việc làm cụ thể của bản thân hoặc người thân của em góp phần bảo tồn Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.



VẬN DỤNG

1. Hãy viết một bài văn, trình bày cảm nhận về một di tích trong Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo mà em ấn tượng nhất.
2. Em hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về giá trị của Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo đến với du khách trong nước và quốc tế.

BẢNG THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM	GIẢI THÍCH
Chà gạc	Là dụng cụ để chặt cây làm nhà, phát rẫy và để tự vệ bản thân khi đối với các loại thú dữ. Cán chà gạc được làm bằng gốc tre già, kẻ gổc, chỗ tra lưỡi được uốn cong khá công phu, lưỡi được tôi luyện, rèn rất chắc chắn và sắc.
Gùi	Vật dụng quen thuộc của các dân tộc thiểu số, thường đeo trên lưng, dùng để đựng dụng cụ, sản vật hoặc để vận chuyển lương thực, thực phẩm, vật dụng khác.
Nia	Là đồ đan khít bằng tre, hình tròn, nông lòng, to hơn cái mẹt, dùng để phơi.
Nỏ	Là khí giới hình cái cung, có cán làm tay cầm và có lẫy được giương lên căng bật dây để bắn một hoặc nhiều mũi tên.
Pop	Là một thể loại của nhạc đương đại và rất phổ biến trong làng nhạc đại chúng, viết tắt của cụm từ tiếng Anh: Popular music, tiếng Việt: nhạc đại chúng. Nhạc pop khởi đầu từ thập niên 1950 và có nguồn gốc từ dòng nhạc rock and roll.
Jazz	Là một thể loại âm nhạc bắt nguồn từ cộng đồng người châu Phi ở Hoa Kỳ vào cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX. Jazz nổi lên ở nhiều nơi trên nước Mỹ với phong cách âm nhạc độc lập phổ biến vào thời đó; liên kết bằng kết nối chung giữa âm nhạc Mỹ gốc châu Âu và âm nhạc Mỹ gốc Phi với một xu hướng thiên về biểu diễn.
Sàng	Là dụng cụ đan bằng tre, hình tròn, không quá sâu, có lỗ nhỏ và thưa, thường được dùng để làm cho gạo sạch thóc, trấu và tấm.
Tỉnh lị	Nơi tập trung các cơ quan hành chính của tỉnh.
Trung tâm hành chính – chính trị	Là khu vực bao gồm các khối cơ quan: Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức chính trị.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Biên tập nội dung:

Trình bày bìa:

Thiết kế sách:

Sửa bản in:

Chế bản:

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU LỚP 7

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in :

Địa chỉ :

Số ĐKXB:

Số QĐXB : ngày tháng năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....